

BẢN ĐỀ XUẤT SỬA ĐỔI, BỔ SUNG QUY CHẾ QUẢN TRỊ CÔNG TY CỔ PHẦN FPT

TT	Quy định hiện hành của Quy chế	Nội dung đề xuất sửa đổi, bổ sung Quy chế	Căn cứ pháp lý
1	<p>Khoản 2 Điều 5 quy định về cuộc họp ĐHĐCĐ thường niên và bất thường:</p> <p>“2. Công ty công bố thông tin về việc chốt danh sách cổ đông có quyền tham dự họp Đại hội đồng cổ đông tối thiểu năm (05) ngày làm việc trước ngày chốt danh sách”</p>	<p>Đề xuất sửa đổi, bổ sung Khoản 2 Điều 5 và bổ sung thêm khoản 6 Điều 5 như sau:</p> <p>“2. Công ty công bố thông tin về việc chốt danh sách cổ đông có quyền tham dự họp Đại hội đồng cổ đông tối thiểu năm (05) ngày làm việc trước ngày chốt danh sách</p> <p><u>về việc lập danh sách cổ đông có quyền dự họp cuộc họp ĐHĐCĐ ít nhất 20 ngày trước ngày đăng ký cuối cùng.”</u></p>	<p>Khoản 1 và Khoản 4 Điều 8 Nghị định 71/2017/NĐ-CP ngày 6/6/2017 hướng dẫn về quản trị công ty áp dụng đối với công ty đại chúng.</p>
2		<p>Bổ sung thêm một điều khoản nữa sau Điều 5 hiện hành như sau:</p> <p>“Điều 6: Quy định về trình tự thủ tục và biểu quyết tại Đại hội đồng Cổ đông thường niên và bất thường:</p> <p>6.1. Thông báo họp Đại hội đồng Cổ đông: gửi thông báo mời họp đến từng cổ đông có quyền dự họp và tuân thủ quy định tại điều 17 Điều lệ Công ty và tại điều 138, 139 Luật doanh nghiệp 2014.</p> <p>a) Các hình thức thông báo Đại hội đồng Cổ đông:</p> <ul style="list-style-type: none"> ○ Công bố trên website của Công ty tại địa chỉ: www.fpt.com.vn; ○ Công bố trên phương tiện thông tin của Sở Giao dịch Chứng khoán Hồ Chí Minh; ○ Gửi cho cổ đông bằng cách chuyển tận tay hoặc gửi qua bưu điện bằng phương thức bảo đảm tới địa chỉ đã đăng ký của cổ đông, hoặc tới địa chỉ do cổ đông đó cung cấp để phục vụ việc gửi thông tin. ○ Trường hợp cổ đông đã thông báo cho Công ty bằng văn bản về số fax hoặc địa chỉ thư điện tử, thông báo họp Đại hội 	<p>Tuân thủ nội dung tại Thông tư 95 và Điều 17 Điều lệ Công ty hiện hành, Điều 138, 139 Luật Doanh nghiệp.</p>

- đồng Cổ đông có thể được gửi tới số fax hoặc địa chỉ thư điện tử đó.
- o Trường hợp cổ đông là người làm việc trong Công ty, thông báo có thể đựng trong phong bì dán kín gửi tận tay họ tại nơi làm việc; hoặc gửi thông báo đến địa chỉ thư điện tử của cổ đông đó.
 - b) Thông báo họp Đại hội đồng Cổ đông bao gồm chương trình họp, mẫu chỉ định đại diện theo ủy quyền dự họp và đường dẫn để tải tài liệu họp từ trang thông tin điện tử của công ty.
 - c) Tài liệu sử dụng trong cuộc họp, dự thảo nghị quyết đối với từng vấn đề trong chương trình họp được đăng tải trên trang thông tin điện tử của công ty www.fpt.com.vn và các thông tin liên quan về các vấn đề sẽ được thảo luận và biểu quyết tại đại hội;
 - d) Thông báo Đại hội đồng Cổ đông được gửi trước ít nhất mười lăm (15) ngày trước ngày họp Đại hội đồng Cổ đông, (tính từ ngày mà thông báo được gửi hoặc chuyển đi một cách hợp lệ, được trả cước phí hoặc được bỏ vào hòm thư);
 - e) Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ 5% tổng số cổ phần phổ thông trong thời hạn liên tục từ sáu (06) tháng trở lên có quyền đề xuất các vấn đề đưa vào chương trình họp Đại hội đồng Cổ đông. Đề xuất phải được làm bằng văn bản và phải được gửi cho Công ty ít nhất ba (03) ngày làm việc trước ngày khai mạc Đại hội đồng Cổ đông. Đề xuất phải bao gồm họ và tên cổ đông, số lượng và loại cổ phần người đó nắm giữ, và nội dung đề nghị đưa vào chương trình họp. Người triệu tập họp Đại hội đồng Cổ đông có quyền từ chối những đề xuất này trong các trường hợp sau:

- Đề xuất được gửi đến không đúng thời hạn hoặc không đủ, không đúng nội dung;
- Vào thời điểm đề xuất, cổ đông hoặc nhóm cổ đông không có đủ ít nhất 5% cổ phần phổ thông trong thời gian liên tục ít nhất sáu (06) tháng theo quy định tại Khoản 4 Điều 11 Điều lệ Công ty;
- Vấn đề đề xuất không thuộc phạm vi thẩm quyền của Đại hội đồng Cổ đông bàn bạc và thông qua.

6.2. Các điều kiện tiến hành họp Đại hội đồng Cổ đông

- a) Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông được tiến hành khi có số cổ đông dự họp đại diện ít nhất 51% tổng số phiếu biểu quyết.
- b) Trường hợp cuộc họp lần thứ nhất không đủ điều kiện tiến hành, Đại hội đồng cổ đông phải được triệu tập họp lần thứ hai trong thời hạn 30 ngày, kể từ ngày dự định họp lần thứ nhất. Cuộc họp của Đại hội đồng cổ đông triệu tập lần thứ hai được tiến hành khi có số cổ đông dự họp đại diện ít nhất 33% tổng số phiếu biểu quyết.
- c) Trường hợp cuộc họp triệu tập lần thứ hai không đủ điều kiện tiến hành, Đại hội đồng Cổ đông được triệu tập họp lần thứ ba trong thời hạn 20 ngày, kể từ ngày dự định họp lần thứ hai. Trường hợp này, cuộc họp của Đại hội đồng cổ đông được tiến hành không phụ thuộc vào tổng số phiếu biểu quyết của các cổ đông dự họp.

6.3. Thể thức tiến hành họp và biểu quyết tại Đại hội đồng Cổ đông: tuân thủ quy định tại điều 19 Điều lệ Công ty và điều 142 Luật doanh nghiệp 2014.

- a) Cách thức đăng ký tham dự Đại hội

- Vào ngày tổ chức Đại hội đồng Cổ đông, Công ty thực hiện thủ tục đăng ký cổ đông và phải thực hiện việc đăng ký cho đến khi các cổ đông có quyền dự họp có mặt đăng ký hết;
 - Khi tiến hành đăng ký cổ đông, Công ty sẽ cấp cho từng cổ đông hoặc đại diện được uỷ quyền có quyền biểu quyết một thẻ biểu quyết, trên đó có ghi số đăng ký, họ và tên của cổ đông, họ và tên đại diện được uỷ quyền và số phiếu biểu quyết của cổ đông đó;
 - Cổ đông đến dự Đại hội đồng Cổ đông muộn có quyền đăng ký ngay và sau đó có quyền tham gia và biểu quyết ngay tại đại hội. Chủ tọa không có trách nhiệm dừng đại hội để cho cổ đông đến muộn đăng ký và hiệu lực của các đợt biểu quyết đã tiến hành trước khi cổ đông đến muộn tham dự sẽ không bị ảnh hưởng.
- b) **Hình thức họp và thể thức tiến hành họp Đại hội đồng Cổ đông:** tuân thủ theo đúng quy định tại điều 19 Điều lệ Công ty và Điều 142 Luật doanh nghiệp 2014
- c) **Cách thức biểu quyết của Đại hội đồng Cổ đông**
- i. **Ban Kiểm phiếu**
 - Đại hội sẽ tự chọn trong số đại biểu những người chịu trách nhiệm kiểm phiếu hoặc giám sát kiểm phiếu và nếu đại hội không chọn thì Chủ tọa sẽ chọn những người đó. Số thành viên của Ban Kiểm phiếu không quá ba (03) người.
 - ii. **Cách thức biểu quyết và thông báo kết quả**
 - Khi tiến hành biểu quyết tại đại hội, cổ đông, đại diện cổ đông hợp lệ biểu quyết bằng cách lựa chọn các phương án: Tán thành, Không tán

thành, Không có ý kiến cho từng Tờ trình đại hội sau đó, ký và ghi rõ họ tên vào Phiếu biểu quyết (đã được phát khi đăng ký);

- Ban Kiểm phiếu tiến hành thu phiếu biểu quyết và tiến hành kiểm phiếu.
- Đối với những vấn đề nhạy cảm và nếu cổ đông có yêu cầu, Công ty phải chỉ định tổ chức trung lập thực hiện việc thu thập và kiểm phiếu.
- Kết quả kiểm phiếu được công bố ngay trước khi bế mạc cuộc họp
- Biên bản kiểm phiếu sẽ được đăng tải trên website của công ty trong thời hạn mười lăm (15) ngày kể từ ngày kết thúc kiểm phiếu.

6.4. Thông qua các quyết định của Đại hội đồng Cổ đông: tuân thủ điều 144 Luật Doanh nghiệp 2014.

6.5. Biên bản họp Đại hội đồng Cổ đông: tuân thủ Điều 22 Điều lệ Công ty và Điều 146 Luật doanh nghiệp 2014.

- a) Biên bản được lập bằng tiếng Việt và tiếng Anh (nội dung thông tin công bố bằng tiếng Anh chỉ có tính tham khảo) bao gồm các nội dung chủ yếu sau đây:
 - Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp;
 - Thời gian và địa điểm họp Đại hội đồng Cổ đông;
 - Chương trình và nội dung cuộc họp;
 - Họ, tên Chủ tọa và Thư ký;
 - Tóm tắt diễn biến cuộc họp và các ý kiến phát biểu tại Đại hội đồng Cổ đông về từng vấn đề trong nội dung chương trình họp;
 - Số cổ đông và tổng số phiếu biểu quyết của các cổ đông dự họp, phụ lục danh sách đăng ký cổ đông, đại diện cổ đông dự họp với số cổ phần và số phiếu bầu tương ứng;
 - Tổng số phiếu biểu quyết đối với từng vấn đề biểu quyết, trong đó ghi rõ phương thức biểu

quyết, tổng số phiếu hợp lệ, không hợp lệ, tán thành, không tán thành và không có ý kiến; tỷ lệ tương ứng trên tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông dự họp;

- Các vấn đề đã được thông qua và tỷ lệ phiếu biểu quyết thông qua tương ứng;
 - Chữ ký của chủ tọa và thư ký.
- b) Biên bản họp và Nghị quyết Đại hội đồng Cổ đông phải làm xong và được Đại hội đồng Cổ đông biểu quyết thông qua trước khi kết thúc cuộc họp.

6.6. Yêu cầu hủy bỏ quyết định của Đại hội đồng Cổ đông:

tuân thủ Điều 23 Điều lệ Công ty.

6.7. Công bố thông tin Biên bản họp và Nghị quyết của Đại hội đồng Cổ đông.

Trong thời hạn 24 giờ kể từ thời điểm kết thúc cuộc họp, biên bản và nghị quyết của Đại hội đồng Cổ đông sẽ được đăng tải trên trang Web của Công ty tại địa chỉ www.fpt.com.vn và được gửi tới Ủy ban chứng khoán Nhà nước, Sở giao dịch chứng khoán Tp Hồ Chí Minh để thực hiện công bố thông tin theo quy định pháp luật hiện hành.

3 **Điều 6: Báo cáo hoạt động của Hội đồng quản trị tại Đại hội đồng cổ đông thường niên**

Trừ khi pháp luật hay Điều lệ có quy định khác, báo cáo hoạt động của Hội đồng quản trị trình Đại hội đồng cổ đông thường niên tối thiểu phải bao gồm các nội dung sau:

- (a) Đánh giá tình hình hoạt động của Công ty trong năm tài chính;

Đề xuất sửa đổi, bổ sung Điều 6 hiện hành của Quy chế, đồng thời cập nhật thứ tự của điều khoản này như sau:

“Điều 7: Báo cáo hoạt động của Hội đồng quản trị tại Đại hội đồng cổ đông thường niên

Trừ khi pháp luật hay Điều lệ có quy định khác, báo cáo hoạt động của Hội đồng quản trị trình Đại hội đồng cổ đông thường niên tối thiểu phải bao gồm các nội dung sau:

- (a) Đánh giá tình hình hoạt động của Công ty trong năm tài chính;
- (b) **Kết quả đánh giá của thành viên độc lập Hội**

Tuân thủ Điều 9 Nghị định 71.

	<p>(b) Hoạt động, thù lao và chi phí hoạt động của Hội đồng quản trị và từng thành viên Hội đồng quản trị;</p> <p>(c) Tổng kết các cuộc họp của Hội đồng quản trị và các quyết định của Hội đồng quản trị;</p> <p>(d) Kết quả giám sát đối với Tổng giám đốc;</p> <p>(e) Kết quả giám sát đối với các Cán bộ Quản lý khác; và</p> <p>(f) Các kế hoạch chiến lược dài hạn.</p>	
<p>4 <u>Điều 7: Báo cáo hoạt động của Ban kiểm soát tại Đại hội đồng cổ đông thường niên</u></p> <p>Trừ khi pháp luật hay Điều lệ có quy định khác, báo cáo hoạt động của Ban kiểm soát trình Đại hội đồng cổ đông thường niên tối thiểu phải bao gồm các nội dung sau:</p> <p>(a) Hoạt động, thù lao và chi phí hoạt động của Ban kiểm soát và từng thành viên Ban kiểm soát;”</p>	<p><u>đồng quản trị về hoạt động của Hội đồng quản trị;</u></p> <p>(c) <u>Hoạt động của các tiểu ban khác thuộc Hội đồng quản trị;</u></p> <p>(d) Hoạt động, thù lao và chi phí hoạt động của Hội đồng quản trị và từng thành viên Hội đồng quản trị <u>theo quy định tại khoản 3 Điều 158 Luật doanh nghiệp và Điều lệ Công ty;</u></p> <p>(e) Tổng kết các cuộc họp của Hội đồng quản trị và các quyết định của Hội đồng quản trị;</p> <p>(f) Kết quả giám sát đối với Tổng giám đốc;</p> <p>(g) Kết quả giám sát đối với các Cán bộ Quản lý khác; và</p> <p>(h) Các kế hoạch chiến lược dài hạn.</p> <p>Sửa đổi, bổ sung khoản a) Điều 7 hiện hành đồng thời cập nhật thứ tự của điều khoản này trong Quy chế như sau:</p> <p><u>“Điều 8: Báo cáo hoạt động của Ban kiểm soát tại Đại hội đồng cổ đông thường niên</u></p> <p>Trừ khi pháp luật hay Điều lệ có quy định khác, báo cáo hoạt động của Ban kiểm soát trình Đại hội đồng cổ đông thường niên tối thiểu phải bao gồm các nội dung sau:</p> <p>(a) Hoạt động, thù lao và chi phí hoạt động của Ban kiểm soát và từng thành viên Ban kiểm soát; Thù lao, chi phí hoạt động và các lợi ích khác của Ban kiểm soát và từng Kiểm soát viên theo quy định tại khoản 3 Điều 167 Luật doanh nghiệp và Điều lệ Công ty hiện hành;”</p>	<p>Tuân thủ Khoản 1 của Điều 9 Nghị định 71.</p>
<p>5 Tại Khoản 2 Điều 8 về ứng cử, đề cử thành viên HĐQT:</p> <p>“8.2 Thông tin liên quan đến các ứng viên HĐQT (trong trường hợp đã xác định được trước các ứng</p>	<p>Sửa đổi, bổ sung Khoản 2 Điều 8 hiện hành, đồng thời cập nhật thứ tự của điều khoản này như sau:</p> <p><u>“9.2. Trường hợp đã xác định được trước ứng viên, thông tin liên quan đến các ứng viên Hội đồng quản</u></p>	<p>Tuân thủ Khoản 1 Điều 11 của Nghị định 71 và Điều 24 Điều lệ Công ty</p>

viên) được công bố tối thiểu bảy (07) ngày trước ngày triệu tập họp ĐHĐCĐ trên trang thông tin điện tử của Công ty để cổ đông có thể tìm hiểu về các ứng viên này trước khi bỏ phiếu.”

Tại khoản 4 Điều 8 như sau:

“4. Các cổ đông nắm giữ số lượng cổ phần theo quy định của Điều lệ trong thời hạn liên tục ít nhất sáu (06) tháng tính đến thời điểm chốt danh sách cổ đông dự họp có quyền gộp số quyền biểu quyết để đề cử các ứng viên HĐQT. Việc đề cử ứng viên HĐQT mà các cổ đông sau khi gộp số quyền biểu quyết có quyền đề cử phải tuân thủ các quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty.”

trị được đưa vào tài liệu họp Đại hội đồng cổ đông và công bố tối thiểu mười (10) ngày trước ngày khai mạc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông trên trang thông tin điện tử của Công ty để cổ đông có thể tìm hiểu về các ứng viên này trước khi bỏ phiếu. Thông tin liên quan đến ứng viên Hội đồng quản trị được công bố bao gồm các nội dung tối thiểu sau đây:

a. Họ tên, ngày, tháng, năm sinh;

b. Trình độ học vấn;

c. Trình độ chuyên môn;

d. Quá trình công tác;

e. Các công ty mà ứng viên đang nắm giữ chức vụ thành viên Hội đồng quản trị và các chức danh quản lý khác;

f. Báo cáo đánh giá về đóng góp của ứng viên cho Công ty, trong trường hợp ứng viên đó hiện đang là thành viên Hội đồng quản trị của Công ty;

g. Các lợi ích có liên quan tới Công ty (nếu có);

h. Họ, tên của cổ đông hoặc nhóm cổ đông đề cử ứng viên đó (nếu có);

i. Các thông tin khác (nếu có)

Sửa đổi, bổ sung khoản 4 Điều 8, đồng thời cập nhật thứ tự của điều khoản này như sau:

“9.4. Các cổ đông nắm giữ số lượng cổ phần theo quy định của Điều lệ trong thời hạn liên tục ít nhất sáu (06) tháng tính đến thời điểm chốt danh sách cổ đông dự họp có quyền gộp số quyền biểu quyết để đề cử các ứng viên HĐQT. Việc đề cử ứng viên HĐQT mà các cổ đông sau khi gộp số quyền biểu quyết có quyền đề cử phải tuân thủ các quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty. **Cụ thể cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ 5% đến dưới 10% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết được đề cử một (01) ứng viên; từ 10% đến dưới 30% được**

đề cử tối đa hai (02) ứng viên; từ 30% đến dưới 40% được đề cử tối đa ba (03) ứng viên; từ 40% đến dưới 50% được đề cử tối đa bốn (04) ứng viên; từ 50% đến dưới 60% được đề cử tối đa năm (05) ứng viên; từ 60% đến dưới 70% được đề cử tối đa sáu (06) ứng viên; từ 70% đến 80% được đề cử tối đa bảy (07) ứng viên; và từ 80% đến dưới 90% được đề cử tối đa tám (08) ứng viên.”

6 Khoản 3 Điều 9 quy định về tư cách thành viên HĐQT:
“9.3 Chủ tịch HĐQT không kiêm nhiệm chức danh Tổng giám đốc trừ trường hợp nắm quyền cần thiết, tạm thời hoặc khi việc kiêm nhiệm này được phê duyệt hàng năm bởi ĐHĐCĐ thường niên hay những trường hợp khác được phù hợp với pháp luật và Điều lệ quy định.”

Đề xuất sửa đổi, bổ sung Khoản 3 Điều 9 hiện hành, đồng thời cập nhật thứ tự của điều khoản này như sau:

~~“10.3 Chủ tịch HĐQT không kiêm nhiệm chức danh Tổng giám đốc trừ trường hợp nắm quyền cần thiết, tạm thời hoặc khi việc kiêm nhiệm này được phê duyệt hàng năm bởi ĐHĐCĐ thường niên hay những trường hợp khác được phù hợp với pháp luật và Điều lệ quy định~~
Chủ tịch HĐQT không kiêm nhiệm chức danh Tổng Giám đốc của Công ty.”

Khoản 2 Điều 12 Nghị định 71 quy định **“2. Chủ tịch Hội đồng quản trị không được kiêm nhiệm chức danh Giám đốc (Tổng giám đốc) của cùng 01 công ty đại chúng.”** Quy định này có hiệu lực kể từ ngày 1/8/2020 theo quy định tại Khoản 2 Điều 37 Nghị định 71 nêu trên. Tuy nhiên, kiến nghị quy định và áp dụng luôn.

7 Khoản 4 Điều 9 quy định về tư cách thành viên HĐQT:
“9.4 Thành viên HĐQT không được đồng thời là thành viên HĐQT của trên năm (05) công ty khác, trừ trường hợp là thành viên HĐQT của các công ty trong cùng tập đoàn hoặc là người đại diện của công ty quản lý quỹ, công ty đầu tư chứng khoán hoặc trừ những trường hợp khác mà pháp luật quy định theo từng thời điểm.”

Đề xuất sửa đổi, bổ sung khoản 4 Điều 9 hiện hành, đồng thời cập nhật thứ tự của điều khoản này như sau:

~~“10.4 Thành viên HĐQT không được đồng thời là thành viên HĐQT của trên năm (05) công ty khác, trừ trường hợp là thành viên HĐQT của các công ty trong cùng tập đoàn hoặc là người đại diện của công ty quản lý quỹ, công ty đầu tư chứng khoán hoặc trừ những trường hợp khác mà pháp luật quy định theo từng thời điểm.”~~

Khoản 3 Điều 12 Nghị định 71 nêu trên quy định: **“3. Thành viên Hội đồng quản trị của 01 công ty đại chúng không được đồng thời là thành viên Hội đồng quản trị tại quá 05 công ty khác.”**

- 8 Khoản 6 Điều 9 quy định về tư cách thành viên HĐQT:
 “9.6 HĐQT có thể bổ nhiệm người khác tạm thời làm thành viên HĐQT để thay thế chỗ trống phát sinh và thành viên mới này phải được chấp thuận tại ĐHĐCĐ thường niên kỳ ngay tiếp sau đó. Sau khi được ĐHĐCĐ chấp thuận, việc bổ nhiệm thành viên mới đó được coi là có hiệu lực vào ngày được HĐQT bổ nhiệm. Nhiệm kỳ của thành viên HĐQT mới được tính từ ngày việc bổ nhiệm có hiệu lực đến ngày kết thúc nhiệm kỳ của HĐQT. Trong trường hợp thành viên mới không được ĐHĐCĐ chấp thuận, mọi quyết định của HĐQT cho đến trước thời điểm diễn ra ĐHĐCĐ có sự tham gia biểu quyết của thành viên HĐQT thay thế vẫn được coi là có hiệu lực.”
- Hủy bỏ khoản 6 Điều 9 hiện hành quy định về tư cách thành viên HĐQT như sau:
~~“9.6 — HĐQT có thể bổ nhiệm người khác tạm thời làm thành viên HĐQT để thay thế chỗ trống phát sinh và thành viên mới này phải được chấp thuận tại ĐHĐCĐ thường niên kỳ ngay tiếp sau đó. Sau khi được ĐHĐCĐ chấp thuận, việc bổ nhiệm thành viên mới đó được coi là có hiệu lực vào ngày được HĐQT bổ nhiệm. Nhiệm kỳ của thành viên HĐQT mới được tính từ ngày việc bổ nhiệm có hiệu lực đến ngày kết thúc nhiệm kỳ của HĐQT. Trong trường hợp thành viên mới không được ĐHĐCĐ chấp thuận, mọi quyết định của HĐQT cho đến trước thời điểm diễn ra ĐHĐCĐ có sự tham gia biểu quyết của thành viên HĐQT thay thế vẫn được coi là có hiệu lực.”~~
- Nghị định 71 không có quy định tương đương, trong khi đó quy định này tại Thông tư số 121/2012/TT-BTC ngày 26/7/2012 của Bộ Tài chính quy định về quản trị công ty áp dụng cho các công ty đại chúng bị bãi bỏ kể từ ngày Nghị định 71 nêu trên này có hiệu lực.
- 9 **Khoản 5 Điều 10 về Quy tắc đạo đức của thành viên HĐQT.**
 “10.5 Các Thành viên có trách nhiệm tránh xung đột lợi ích giữa lợi ích Công ty và lợi ích cá nhân của mình hay của người có liên quan với mình. Trong trường hợp có xảy ra xung đột lợi ích, Thành viên có trách nhiệm thông báo bằng văn bản ngay lập tức về xung đột đó đến các Thành viên khác.”
- Bổ sung thêm nội dung tại Khoản 5 Điều 10 hiện hành, đồng thời cập nhật thứ tự của điều khoản này như sau:
 “11.5 Các Thành viên có trách nhiệm tránh xung đột lợi ích giữa lợi ích Công ty và lợi ích cá nhân của mình hay của người có liên quan với mình. Trong trường hợp có xảy ra xung đột lợi ích, Thành viên có trách nhiệm thông báo bằng văn bản ngay lập tức về xung đột đó đến các Thành viên khác. **“Người có liên quan” được hiểu trong Quy chế này là cá nhân, tổ chức được quy định**
- Khoản 9 Điều 2 của Nghị định 71.

tại khoản 17 Điều 4 Luật doanh nghiệp, khoản 34 Điều 6 Luật chứng khoán.

- | | | | |
|----|---|--|---|
| 10 | <p>Tại Khoản 11.4 của Điều 11 về Quyền và Nghĩa vụ của thành viên HĐQT.</p> <p>“11.4 Công ty có thể nhưng không bắt buộc mua bảo hiểm trách nhiệm cho các thành viên HĐQT sau khi có sự chấp thuận của HĐQT. Tuy nhiên, bảo hiểm này không bao gồm bảo hiểm cho những trách nhiệm của thành viên HĐQT liên quan đến việc vi phạm pháp luật và Điều lệ Công ty.”</p> | <p>Sửa đổi, bổ sung Khoản 11.4 của Điều 11 hiện hành, đồng thời cập nhật thứ tự của điều khoản này như sau:</p> <p>“12.4 Công ty có thể nhưng không bắt buộc mua bảo hiểm trách nhiệm cho các thành viên HĐQT sau khi có sự chấp thuận của HĐQT. Tuy nhiên, bảo hiểm này không bao gồm bảo hiểm cho những trách nhiệm của thành viên HĐQT liên quan đến việc vi phạm pháp luật và Điều lệ Công ty. Thành viên Hội đồng quản trị có thể được Công ty mua bảo hiểm trách nhiệm. Bảo hiểm này không bao gồm bảo hiểm cho những trách nhiệm của thành viên Hội đồng quản trị liên quan đến việc vi phạm pháp luật và Điều lệ công ty.”</p> | <p>Tuân thủ Khoản 3 Điều 14 Nghị định 71.</p> |
| 11 | <p><u>“Điều 14: Chủ tịch Hội đồng quản trị</u></p> <p>14.1 HĐQT phải lựa chọn trong số các thành viên HĐQT để bầu ra một Chủ tịch. Trừ khi ĐHĐCĐ quyết định khác, Chủ tịch HĐQT không kiêm nhiệm chức vụ Tổng Giám đốc của Công ty. Việc Chủ tịch HĐQT kiêm nhiệm chức Tổng Giám đốc phải được phê duyệt hàng năm tại ĐHĐCĐ thường niên.”</p> | <p>Sửa đổi, bổ sung Khoản 1 Điều 14 và bổ sung khoản 5 Điều 14, đồng thời cập nhật thứ tự của điều khoản này như sau:</p> <p>“15.1 HĐQT phải lựa chọn trong số các thành viên HĐQT để bầu ra một Chủ tịch. Chủ tịch HĐQT không kiêm nhiệm chức danh Tổng Giám đốc Công ty Trừ khi ĐHĐCĐ quyết định khác, Chủ tịch HĐQT không kiêm nhiệm chức vụ Tổng Giám đốc của Công ty. Việc Chủ tịch HĐQT kiêm nhiệm chức Tổng Giám đốc phải được phê duyệt hàng năm tại ĐHĐCĐ thường niên.”</p> | <p>Tuân thủ Khoản 2 Điều 12, Khoản 2 Điều 37 của Nghị định 71 và quy định tại Điều lệ hiện hành của Công ty có hai Người đại diện theo pháp luật là Chủ tịch HĐQT và Tổng Giám đốc.</p> |
| 12 | <p>Điều 15 quy định về các Tiểu ban của HĐQT</p> | <p>Bổ sung thêm khoản 5 tại Điều 15 như sau:</p> <p>“16.5. Hội đồng quản trị quy định chi tiết về phạm vi, trách nhiệm, quyền hạn của từng tiểu ban và các thành viên. Tiêu chuẩn và trách nhiệm của từng thành viên tiểu ban được quy định trên cơ sở tuân thủ Điều lệ Công ty và pháp luật hiện hành cũng như phù hợp với tình hình thực tế tại Công ty.</p> | <p>Khoản 3 Điều 17 của Nghị định 71.</p> |

13

Điều 17: Nhiệm vụ và quyền hạn của HĐQT

17.4. Trên cơ sở Điều 108 và 120 Luật doanh nghiệp, Điều 27.4 Điều lệ, những vấn đề sau đây phải được HĐQT phê duyệt:

a. Thành lập chi nhánh hoặc các văn phòng đại diện của Công ty; Xem xét kế hoạch hàng năm của các công ty con trong Tập đoàn về việc thành lập chi nhánh và văn phòng đại diện của các công ty này;

b. Thành lập, giải thể và yêu cầu phá sản các công ty con của Công ty trong Tập đoàn; Kiến nghị ĐHCĐ việc tổ chức lại, giải thể hoặc yêu cầu phá sản Công ty; Phê chuẩn việc sửa đổi Điều lệ, tăng giảm vốn điều lệ của công ty con;

c. Trong phạm vi quy định tại Điều 108.2 của Luật Doanh nghiệp và trừ trường hợp quy định tại Điều 120.3 Luật Doanh nghiệp phải do ĐHCĐ phê duyệt và hợp đồng có giá trị nhỏ hơn, HĐQT tùy từng thời điểm quyết định việc thực hiện, sửa đổi và hủy bỏ các hợp đồng lớn của Công ty (bao gồm các hợp đồng mua, bán, sáp nhập, thuê công ty và liên doanh, và các hợp đồng khác) có giá trị tương đương từ 5%

Sửa đổi, bổ sung Khoản 4 Điều 17 hiện hành, đồng thời cập nhật thứ tự điều khoản này như sau:

“18.4. Trên cơ sở Điều ~~149~~ 108 và ~~162~~ 120 Luật doanh nghiệp, Điều 27.4 Điều lệ, những vấn đề sau đây phải được HĐQT phê duyệt:

a. Thành lập chi nhánh hoặc các văn phòng đại diện của Công ty; Xem xét kế hoạch hàng năm của các công ty con trong Tập đoàn về việc thành lập chi nhánh và văn phòng đại diện của các công ty này;

b. Thành lập, giải thể và yêu cầu phá sản các công ty con của Công ty trong Tập đoàn; Kiến nghị ĐHCĐ việc tổ chức lại, giải thể hoặc yêu cầu phá sản Công ty; Phê chuẩn việc sửa đổi Điều lệ, tăng giảm vốn điều lệ của công ty con;

c. Trong phạm vi quy định tại Điều ~~149.2~~ 108.2 của Luật Doanh nghiệp và trừ trường hợp quy định tại Điều ~~162.3~~ 120.3 Luật Doanh nghiệp phải do ĐHCĐ phê duyệt và hợp đồng có giá trị nhỏ hơn, HĐQT tùy từng thời điểm quyết định việc thực hiện, sửa đổi và hủy bỏ các hợp đồng lớn của Công ty (bao gồm các hợp đồng mua, bán, sáp nhập, thuê công ty và liên doanh, và các hợp đồng khác) có giá trị tương đương từ 5% tổng tài sản trong báo cáo tài chính hợp nhất của quý gần nhất của Công ty;”

Điều chỉnh chỉ dẫn Điều luật tương thích với Luật Doanh nghiệp 2014 và Điều lệ Công ty hiện hành do Quy chế này được ban hành căn cứ vào Luật Doanh nghiệp 2005 và Điều lệ Công ty chưa được ĐHCĐ thông qua năm 2016.

tổng tài sản trong báo cáo tài chính hợp nhất của quý gần nhất của Công ty;”

- 14 Tại Điều 21 quy định về phiên họp định kỳ của HĐQT.
- Bổ sung thêm Khoản 6 tại Điều 21 hiện hành, đồng thời cập nhật thứ tự điều khoản này như sau:
“22.6. Hàng năm, HĐQT yêu cầu thành viên độc lập của mình báo cáo về hoạt động của HĐQT, và báo cáo này phải được công bố tại cuộc họp ĐHĐCĐ thường niên.”
- Bổ sung thêm một khoản nữa sau khoản 6 hiện hành như sau:
“22.7. Đối với việc đánh giá hàng năm hoạt động khen thưởng và kỷ luật đối với thành viên HĐQT: hàng năm, HĐQT tổ chức họp và đánh giá hoạt động của từng thành viên theo nhiệm vụ được giao. Trên cơ sở đó, HĐQT sẽ kiến nghị các hình thức khen thưởng và kỷ luật (nếu có) trình Đại hội đồng Cổ đông phê duyệt.”
- 15 **“Điều 22 Phiên họp bất thường**
22.1 HĐQT có thể họp phiên bất thường do:
(a) Chủ tịch HĐQT quyết định triệu tập;
(b) Đề nghị của ít nhất hai (02) thành viên HĐQT;
(c) Yêu cầu của đa số thành viên Ban Kiểm soát; hoặc
(d) Đề nghị của Tổng Giám Đốc hoặc ít nhất năm (5) Cán bộ quản lý khác.
22.2 Chủ tịch HĐQT gửi thư triệu tập họp HĐQT trong thời hạn 3 ngày làm việc kể từ ngày nhận
- Sửa đổi, bổ sung Khoản 1 và Khoản 2 của Điều 22 hiện hành, đồng thời cập nhật thứ tự điều khoản này như sau:
“23.1. Chủ tịch Hội đồng Quản trị triệu tập các cuộc họp bất thường khi thấy cần thiết vì lợi ích của Công ty. Ngoài ra, Chủ tịch Hội đồng Quản trị phải triệu tập họp Hội đồng Quản trị, không được trì hoãn nếu không có lý do chính đáng, khi một trong số các đối tượng dưới đây đề nghị bằng văn bản trình bày mục đích cuộc họp và các vấn đề cần bàn:
a. Tổng Giám đốc hoặc ít nhất năm (05) cán bộ quản lý khác;
b. Ít nhất hai (02) thành viên điều hành của Hội đồng Quản trị;
c. Ban Kiểm soát hoặc thành viên độc lập.”.
- Khoản 3 Điều 16 Nghị định 71 nêu trên quy định về cuộc họp HĐQT: **“3. Hàng năm, Hội đồng quản trị yêu cầu thành viên độc lập có báo cáo đánh giá về hoạt động của Hội đồng quản trị và báo cáo đánh giá này có thể được công bố tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên.”**
- Phù hợp với Khoản 3 và Khoản 4 của Điều 29 Điều lệ Công ty hiện hành.

được đề nghị tại Khoản 1 Điều này. Các cuộc họp HĐQT phải được tiến hành trong thời hạn mười lăm ngày sau khi có đề xuất họp.”

23.2 Chủ tịch HĐQT gửi thư triệu tập họp HĐQT trong thời hạn 3 ngày bảy (07) ngày làm việc kể từ ngày nhận được đề nghị tại Khoản 1 Điều này. Các cuộc họp HĐQT phải được tiến hành trong thời hạn mười lăm ngày sau khi có đề xuất họp.”

16

Bổ sung thêm một Chương nữa, sau Điều 26, đồng thời cập nhật thứ tự điều khoản này như sau:

“Điều 28: Ứng cử, đề cử Kiểm soát viên

28.1. Việc ứng cử, đề cử Kiểm soát viên được thực hiện tương tự quy định tại Điều lệ Công ty.

28.2 Các cổ đông có quyền gộp số phiếu biểu quyết của từng người lại với nhau để đề cử các ứng viên Ban Kiểm soát. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ 5% đến dưới 10% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết được đề cử một (01) ứng viên; từ 10% đến dưới 30% được đề cử tối đa hai (02) ứng viên; từ 30% đến dưới 40% được đề cử tối đa ba (03) ứng viên; từ 40% đến dưới 50% được đề cử tối đa bốn (04) ứng viên; từ 50% đến dưới 60% được đề cử tối đa năm (05) ứng viên.

28.3. Trường hợp số lượng các ứng viên Ban kiểm soát thông qua đề cử và ứng cử không đủ số lượng cần thiết, Ban kiểm soát đương nhiệm có thể đề cử thêm ứng viên hoặc tổ chức đề cử theo cơ chế quy định tại Điều lệ công ty và Quy chế này. Cơ chế Ban kiểm soát đương nhiệm đề cử ứng viên Ban kiểm soát phải được công bố rõ ràng và phải được Đại hội đồng cổ đông thông qua trước khi tiến hành đề cử.

Điều 29: Kiểm soát viên

Tuân thủ điểm a khoản 1 Điều 134 Luật Doanh nghiệp 2014, Phụ lục số 2 của Thông tư số 95/2017/TT-BTC ngày 22 tháng 9 năm 2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn một số điều của Nghị định số 71/2017/NĐ-CP ngày 6/6/2017 của Chính phủ hướng dẫn về quản trị công ty áp dụng đối với công ty đại chúng.

29.1. Số lượng Kiểm soát viên của Công ty là ba (03) người. Nhiệm kỳ của Kiểm soát viên không quá năm (05) năm và có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế.

28.2. Kiểm soát viên phải đáp ứng các tiêu chuẩn và điều kiện theo quy định tại khoản 1 Điều 164 Luật doanh nghiệp, Điều lệ công ty và không thuộc các trường hợp sau:

a) Làm việc trong bộ phận kế toán, tài chính của công ty;

b) Là thành viên hay nhân viên của công ty kiểm toán độc lập thực hiện kiểm toán các báo cáo tài chính của công ty trong ba (03) năm liền trước đó.

28.3. Kiểm soát viên phải là kiểm toán viên hoặc kế toán viên.

28.4. Trưởng Ban kiểm soát phải là kế toán viên hoặc kiểm toán viên chuyên nghiệp và phải làm việc chuyên trách tại Công ty.

Điều 30: Cách thức bầu Kiểm sát viên

30.1. Việc bầu Kiểm soát viên thực hiện nguyên tắc bầu dồn phiếu. Công ty thực hiện quy định hướng dẫn tại Điều lệ, Luật Doanh nghiệp và quy định pháp luật hướng dẫn có liên quan.

30.2. Đối với việc bầu Trưởng Ban Kiểm soát, các Kiểm soát viên bầu một (01) người trong số các Kiểm soát viên làm Trưởng ban theo nguyên tắc đa số.

Điều 31. Miễn nhiệm, bãi nhiệm Kiểm soát viên

31.1. Kiểm soát viên bị miễn nhiệm trong các trường hợp sau:

- a. Không còn đủ tiêu chuẩn và điều kiện làm Kiểm soát viên theo quy định tại Luật Doanh nghiệp;
- b. Không thực hiện quyền và nghĩa vụ của mình trong sáu (06) tháng liên tục, trừ trường hợp bất khả kháng;
- c. Có đơn từ chức và được chấp thuận;
- d. Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật, Điều lệ này.

31.2. Kiểm soát viên bị bãi nhiệm trong các trường hợp sau:

- a. Không hoàn thành nhiệm vụ, công việc được phân công;
- b. Vi phạm nghiêm trọng hoặc vi phạm nhiều lần nghĩa vụ của Kiểm soát viên quy định của Luật doanh nghiệp và Điều lệ công ty;
- c. Theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông;
- d. Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật, Điều lệ Công ty.

Điều 32. Thông báo về bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm Kiểm soát viên.

Công ty thực hiện chế độ công bố thông tin nhanh chóng, kịp thời, đúng pháp luật trên trang Web chính thức của Công ty về những thay đổi trong việc bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm Kiểm soát viên, đồng thời tuân thủ các nghĩa vụ khác về công bố thông tin theo quy định của UBCKNN đối với công ty niêm yết về việc này.

17 **“Điều 30: Văn phòng Chủ tịch**

30.1 Chức năng và Nhiệm vụ:
 (a) Văn phòng Chủ tịch thực hiện chức năng Thư ký Công ty theo quy định của Pháp luật và Điều

Sửa đổi, bổ sung điểm a) Khoản 1 của Điều 30 hiện hành, đồng thời cập nhật thứ tự điều khoản như sau:

“36.1. Chức năng và Nhiệm vụ:
 a) Văn phòng Chủ tịch thực hiện chức năng Thư ký Công ty và Người quản trị Công ty theo quy

Tuân thủ Khoản 3 Điều 18 Nghị định 71.

lệ Công ty và đồng thời là cơ quan hỗ trợ thuộc HĐQT có trách nhiệm trợ giúp HĐQT và Chủ tịch HĐQT trong việc thực hiện các chức năng và nhiệm vụ của HĐQT và Chủ tịch HĐQT.”

định của Pháp luật và Điều lệ Công ty và đồng thời là cơ quan hỗ trợ thuộc HĐQT có trách nhiệm trợ giúp HĐQT và Chủ tịch HĐQT trong việc thực hiện các chức năng và nhiệm vụ của HĐQT và Chủ tịch HĐQT.”

18

Bổ sung thêm một Điều khoản sau Điều 30 hiện hành, đồng thời cập nhật thứ tự điều khoản như sau:

Quy định tại Điều 18 Nghị định 71 nêu trên về Người phụ trách quản trị Công ty.

“37. Người phụ trách quản trị công ty

37.1. Hội đồng quản trị bổ nhiệm ít nhất 01 người làm các nhiệm vụ của Người phụ trách quản trị công ty. Người phụ trách quản trị công ty có thể kiêm nhiệm làm Thư ký công ty theo quy định tại khoản 5 Điều 152 Luật doanh nghiệp 2014.

37.2. Người phụ trách quản trị công ty phải là người có hiểu biết về pháp luật, không được đồng thời làm việc cho công ty kiểm toán độc lập đang thực hiện kiểm toán các báo cáo tài chính của công ty.

37.3. Người phụ trách quản trị công ty có quyền và nghĩa vụ sau:

a) Tư vấn Hội đồng quản trị trong việc tổ chức họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định và các công việc liên quan giữa công ty và cổ đông;

b) Chuẩn bị các cuộc họp Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và Đại hội đồng cổ đông theo yêu cầu của Hội đồng quản trị hoặc Ban kiểm soát;

c) Tư vấn về thủ tục của các cuộc họp;

d) Tham dự các cuộc họp;

đ) Tư vấn thủ tục lập các nghị quyết của Hội đồng quản trị phù hợp với luật pháp;

e) Cung cấp các thông tin tài chính, bản sao biên bản họp Hội đồng quản trị và các thông tin khác cho thành viên Hội đồng quản trị và Kiểm soát viên;

g) Giám sát và báo cáo Hội đồng quản trị về hoạt động công bố thông tin của công ty;

h) Bảo mật thông tin theo các quy định của pháp luật và Điều lệ công ty;

i) Các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ công ty.

37.4. Đại hội đồng Cổ đông ủy quyền cho HĐQT Công ty xem xét và ban hành quy định cụ thể về tiêu chuẩn Người phụ trách quản trị Công ty, trình tự bổ nhiệm, các trường hợp miễn nhiệm, bãi nhiệm Người phụ trách quản trị Công ty cũng như việc công bố thông tin bổ nhiệm, miễn nhiệm này”.

19 Tại khoản 4 Điều 37 Quy chế:

“4. HĐQT bổ nhiệm một thành viên HĐQT hoặc một người khác làm Tổng Giám đốc; ký hợp đồng trong đó quy định mức lương, thù lao, lợi ích và các điều khoản khác liên quan khác. Thông tin về mức lương, trợ cấp, quyền lợi của Tổng Giám đốc phải được báo cáo tại ĐHĐCĐ thường niên và được nêu trong Báo cáo thường niên của Công ty.”

Sửa đổi, bổ sung khoản 4 Điều 37 hiện hành, đồng thời cập nhật thứ tự điều khoản như sau:

“38.4. HĐQT bổ nhiệm một thành viên HĐQT hoặc một người khác làm Tổng Giám đốc; ký hợp đồng trong đó quy định mức lương, thù lao, lợi ích và các điều khoản khác liên quan khác. Thông tin về mức lương, trợ cấp, quyền lợi của Tổng Giám đốc và những người quản lý khác phải được báo cáo tại ĐHĐCĐ thường niên, **Báo cáo Tài chính năm** và được nêu trong Báo cáo thường niên của Công ty.”

Tuân thủ khoản 1 Điều 35 Điều lệ mẫu tại Thông tư 95 và Điều 34 Điều lệ Công ty hiện hành.

20 Điều 40 Quy chế về nhiệm vụ, quyền hạn của Tổng Giám đốc.

Bổ sung thêm hai khoản nữa sau khoản 5 Điều 40 hiện hành, đồng thời cập nhật thứ tự điều khoản như sau:

“41.5 Đại hội đồng Cổ đông ủy quyền cho HĐQT ban hành quy định về các trường hợp Tổng Giám đốc và Ban Kiểm soát đề nghị triệu tập họp HĐQT và những vấn đề cần xin ý kiến HĐQT trên cơ sở tuân thủ Điều lệ Công

Tuân thủ hướng dẫn tại Thông tư 95.

		ty, Luật Doanh nghiệp và các quy định pháp luật hiện hành.”	
21	Điều 43 Quy chế về Quan hệ làm việc giữa HĐQT và Ban Kiểm soát.	Bổ sung thêm khoản nữa sau khoản 43.4 hiện hành, đồng thời cập nhật thứ tự điều khoản như sau: “44.5. Đối với việc đánh giá hàng năm hoạt động khen thưởng và kỷ luật đối với kiểm soát viên: hàng năm, HĐQT tổ chức họp và đánh giá hoạt động của từng thành viên theo nhiệm vụ được giao. Trên cơ sở đó, HĐQT sẽ kiến nghị các hình thức khen thưởng và kỷ luật (nếu có) trình Đại hội đồng Cổ đông phê duyệt.”	Tuân thủ hướng dẫn tại Thông tư 95.
22	Tại Điều 44 Quy chế về Quan hệ làm việc giữa HĐQT và Ban điều hành.	Bổ sung thêm một khoản nữa sau khoản 44.8 hiện hành, đồng thời cập nhật thứ tự điều khoản như sau: “45.9 Đối với việc đánh giá hàng năm hoạt động khen thưởng và kỷ luật đối với Giám đốc (Tổng Giám đốc) và những người điều hành doanh nghiệp khác: hàng năm, HĐQT tổ chức họp và đánh giá hoạt động của từng thành viên theo nhiệm vụ được giao. Trên cơ sở đó, HĐQT sẽ kiến nghị các hình thức khen thưởng và kỷ luật (nếu có) trình Đại hội đồng Cổ đông phê duyệt.”	Tuân thủ hướng dẫn tại Thông tư 95.
23		Bổ sung thêm một Điều khoản nữa sau Điều 48 hiện hành, đồng thời cập nhật thứ tự điều khoản như sau: “Điều 56: Công bố thông tin 56.1. Công ty phải báo cáo cho Ủy Ban Chứng Khoán Nhà Nước và Sở Giao Dịch Khoán, và phải công bố các thông tin liên quan tới cơ cấu tổ chức của công ty theo quy định tại Điều 134 của Luật Doanh Nghiệp 2014. Trong trường hợp thay đổi về cơ cấu tổ chức, Công ty phải báo cáo Ủy Ban Chứng Khoán Nhà Nước và Sở Giao Dịch Chứng Khoán, và công bố các thông tin đó trong	Điều 29 và Điều 33 Nghị định 71 nêu trên.

		vòng 24 giờ kể từ thời điểm ĐHĐCĐ đưa ra quyết định chấp thuận các thay đổi.	
		56.2. Công ty phải xây dựng và ban hành quy chế công bố thông tin theo quy định của Luật Chứng Khoán và các văn bản hướng dẫn. Công ty phải phân công ít nhất một nhân viên thực hiện việc công bố thông tin.”	
24	<p>“Điều 50: Thẩm quyền sửa đổi, bổ sung Quy chế HĐQT là cơ quan có thẩm quyền sửa đổi, bổ sung Quy chế này căn cứ đề nghị của các thành viên HĐQT, Ban Kiểm soát, Tổng Giám Đốc hoặc có sự điều chỉnh của pháp luật về những nội dung có liên quan đến các quy định trong quy chế này.”</p>	Sửa đổi, bổ sung Điều 50 hiện hành, đồng thời cập nhật thứ tự điều khoản như sau:	Tuân thủ Điều 7 và khoản 4 Điều 15 của Nghị định 71.
		“Điều 58: Thẩm quyền sửa đổi, bổ sung Quy chế Đại hội đồng Cổ đông HĐQT là cơ quan có thẩm quyền sửa đổi, bổ sung Quy chế này căn cứ đề nghị của các thành viên HĐQT, Ban Kiểm soát, Tổng Giám Đốc hoặc có sự điều chỉnh của pháp luật về những nội dung có liên quan đến các quy định trong quy chế này.”	
25	<p>Điều 51: Hiệu lực thi hành 51.1 Quy chế này có hiệu lực kể từ ngày được HĐQT thông qua và Chủ tịch HĐQT thay mặt HĐQT ký quyết định ban hành Quy chế. Quy chế này thay thế Quy chế Tổ chức và hoạt động của HĐQT và Ban điều hành ban hành kèm theo Quyết định số 30-2012/QĐ/FPT-HĐQT ngày 12 tháng 4 năm 2012 của HĐQT Công ty.</p>	Sửa đổi, bổ sung Khoản 1 Điều 51 hiện hành, đồng thời cập nhật thứ tự điều khoản như sau:	Tuân thủ Điều 7 và khoản 4 Điều 15 của Nghị định 71.
		“Điều 59: Hiệu lực thi hành 59.1 Quy chế này có hiệu lực kể từ ngày được Đại hội đồng Cổ đông HĐQT thông qua và Chủ tịch HĐQT thay mặt HĐQT ký quyết định ban hành Quy chế. Quy chế này thay thế Quy chế Tổ chức và hoạt động của HĐQT và Ban điều hành ban hành kèm theo Quyết định số 30-2012/QĐ/FPT-HĐQT ngày 12 tháng 4 năm 2012 của HĐQT Công ty. Quy chế này thay thế Quy chế Quản trị Công ty Cổ phần FPT (ban hành theo Nghị quyết số 02.11 -2013/NQ-HĐQT-FPT ngày 15/11/2013 của HĐQT Công ty). ”	